

國立勤益科技大學國際專修部華語先修生修業規定

Regulations on Mandarin Preparatory Students in the International Foundation Program of National
Chin-Yi University of Technology
QUY ĐỊNH TU NGHIỆP CẦN HỌC DỰ BỊ KHÓA TIẾNG TRUNG CỦA KHOA CHUYÊN NGÀNH
QUỐC TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA CHIN YI (CẦN ÍCH)

113年8月12日國際事務處處務會議通過

113年8月13日語言中心中心會議通過

第一條 國立勤益科技大學(以下簡稱本校)國際專修部依據教育部「重點產業領域擴大招收僑生港澳學生及外國學生實施計畫」招收境外學生，特訂定本修業規定以規範國際專修部學生之入學資格、入學審查、修課、退學及工作許可等規定。

Article 1 The International Foundation Program of National Chin-Yi University of Technology (hereinafter referred to as "the University") admits overseas students in accordance with the Ministry of Education's "Implementation Plan for Expanding the Recruitment of Overseas Chinese, Hong Kong, Macao, and Foreign Students in Key Industrial Fields." These regulations are hereby formulated to standardize the admission qualifications, admission review, coursework, withdrawal, work permit, and other regulations for students enrolled in the International Foundation Program.

ĐIỀU 1 Trường Đại học Công nghệ Quốc gia Chin Yi (Cần Ích) (dưới đây gọi tắt là trường) tuyển nhận học sinh nước ngoài theo “Kế hoạch thực hiện mở rộng tuyển nhận học sinh Hoa kiều Hồng Kông, Macao và học sinh nước ngoài tại các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm” của Bộ Giáo dục, đặc biệt xây dựng quy định tu nghiệp này để quy định tiêu chuẩn về tư cách nhập học, xét tuyển nhập học, tham dự khóa học, thôi học và giấy phép lao động đối với học sinh khoa chuyên ngành quốc tế.

第二條 入學資格：

- 一、符合「外國學生來臺就學辦法」、「香港澳門居民來臺就學辦法」及「僑生回國就學及輔導辦法」所定外國學生、港澳生及僑生身份，且具學士班入學資格。
- 二、申請來臺於國際專修部先修華語每人以一次為限，遇特殊事由中斷，經教育部同意後，得再申請一次。

Article 2 Admission Qualifications:

1. Applicants must meet the criteria for foreign students, Hong Kong and Macao students, and overseas Chinese students stipulated in the "Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan", "Regulations Regarding Hong Kong and Macau Residents Undertaking Studies in Taiwan" and "Regulations Regarding Study and Counseling Assistance for Overseas Chinese Students in Taiwan", and possess the qualifications for undergraduate program's admission.
2. Each applicant is limited to one attempt for entering into the International Foundation Program to take the Mandarin preparatory course. In case of interruption due to special reasons, with the approval of the Ministry of Education,

another application may be submitted.

ĐIỀU 2 Tư cách nhập học:

1. Đáp ứng tư cách của học sinh nước ngoài, học sinh Hồng Kông, Macao và học sinh Hoa kiều được quy định tại “Biện pháp cho học sinh nước ngoài học tập tại Đài Loan”, “Biện pháp cho người dân Hồng Kông và Macao đến Đài Loan học tập” và “Biện pháp cho Hoa kiều về nước học tập và hỗ trợ hướng dẫn”, và có đủ tư cách nhập học vào lớp cử nhân.
2. Nộp đơn xin đến Đài Loan học dự bị khóa tiếng Trung của khoa chuyên ngành quốc tế được giới hạn mỗi người một lần, nếu bị gián đoạn bởi lý do đặc biệt, được nộp đơn xin lại 1 lần sau khi được Bộ Giáo dục đồng ý.

第三條 入學審查：

- 一、申請者通過系所審查資格後，由國際事務處發給華語先修生條件式入學許可，並將錄取名冊函報教育部，由教育部函轉外交部領事事務局轉知各駐外館處。
- 二、學生所繳入學證明文件如有偽造、假借、塗改等情事，如經查明，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，由本校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Article 3 Admission Review:

1. After applicants pass the departmental qualification review, the Office of International Affairs will issue conditional admission offers for Mandarin preparatory students and submit the list of admitted students to the Ministry of Education, which will then forward it to the Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs (MOFA), for notification to diplomatic missions abroad.
2. If any falsification, borrowing, or tampering of admission documents is discovered, the admission offer will be revoked. For students who have already registered, their enrollment status will be rescinded, and no academic certificates will be issued. If such an issue is discovered after graduation, the University will revoke their graduation qualification and invalidate their degree certificate.

ĐIỀU 3 Xét tuyển nhập học:

1. Sau khi người nộp đơn xin vượt qua tư cách xét tuyển của khoa, phòng Quan hệ Quốc tế sẽ gửi giấy phép nhập học có điều kiện học dự bị khóa tiếng Trung và gửi báo cáo danh sách trúng tuyển cho Bộ Giáo dục, Bộ Giáo dục chuyển gửi đến Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao để thông báo các lãnh sự quán và văn phòng ở nước ngoài.
2. Giấy tờ chứng minh nhập học mà học sinh nộp có trường hợp làm giả, mượn, thay đổi, v.v... nếu sau kiểm tra phát hiện hủy bỏ tư cách trúng tuyển; người đã đăng ký nhập học thì hủy bỏ tư cách học sinh của người đó và không cấp phát bất kỳ chứng minh tốt nghiệp liên quan nào; nếu bị phát hiện sau khi tốt nghiệp phải do trường hủy bỏ tư cách tốt nghiệp và hủy bằng cấp của người đó.

第四條 修課規範：

- 一、國際專修部華語先修學生(以下簡稱先修生)研修期間以一年為限，期間限修

讀華語課程，亦不開放暑修：學期間每週 22 小時，全學年共修讀 792 小時。先修生若重新申請入學國際專修部，其修業規範依據本規定須重新修讀滿 792 小時，前期修讀之時數不予認列。

- 二、先修生之學業成績評量與考查、學生考試作弊、缺席及補考等事項，均依照本校學則及學生學期成績處理要點辦理。
- 三、先修生修讀之華語課程不認列為畢業學分，先修生考取華語文能力測驗 (TOCFL) 之聽力與閱讀測驗基礎級(A2)(含)以上，轉入正式學士班後，依循本校各系所修業辦法完成畢業條件。
- 四、先修生未於轉入原錄取之正式學士班前考取TOCFL之聽力與閱讀測驗進階級(B1)者，需於進入所屬系第一年選修【進階華語聽說】、【進階華語讀寫】、【進階華測輔導】與【高階應用華語】等華語課程，本校可依其TOCFL成績作為獎助學金補助依據。華語能力未達B1之學生應持續修讀本校開設之華語課程至通過前揭標準，始得畢業。
- 五、先修生轉入正式學士班後，其休學、退學及其他學籍、學業、生活輔導考核等事項，均依照本校學則及相關法令規定辦理。
- 六、國際專修部學生入學申請、平時生活及學業輔導等事務由國際專修部與相關單位負責辦理。

Article 4 Coursework Regulations:

1. The International Foundation Program's Mandarin preparatory students (hereinafter referred to as preparatory students) have only one-year study period, during which they are restricted to studying Mandarin courses and summer courses are not available. The study load is 22 hours per week, totaling 792 hours for the entire academic year. If a preparatory student reapplies for admission to the International Foundation Program, they must retake and complete the full 792 hours of courses as per these regulations, and previously completed hours will not be recognized.
2. Academic performance evaluation, examinations, cheating, absences, and make-up exams for preparatory students are handled in accordance with the university's academic regulations and guidelines for processing semester grades.
3. The Mandarin courses taken by preparatory students do not count towards graduation credits. If preparatory students achieve a level of A2 or above in the listening and reading sections of the Test of Mandarin as a Foreign Language (TOCFL), upon transferring to the formal bachelor's program, they must complete the graduation requirements according to the academic regulations of their respective departments.
4. If preparatory students have not achieved a B1 level in the listening and reading sections of the TOCFL before transferring to their originally admitted formal bachelor's program, they must take advanced Mandarin courses such as "Advanced Mandarin Listening and Speaking", "Advanced Mandarin Reading and Writing", "Advanced Mandarin Testing Tutoring" and "High-Level Applied Mandarin" in their first year in their respective departments. The university may use their TOCFL

scores as a basis for awarding scholarships and grants. Students whose Mandarin proficiency does not reach B1 must continue to take Mandarin courses offered by the university until they pass the aforementioned standards to graduate.

5. After transferring to the formal bachelor's program, preparatory students' suspensions, withdrawals, and other issues related to their student status, academics, and life guidance assessments are handled in accordance with the university's academic regulations and relevant laws and regulations.
6. The International Foundation Program is responsible for handling matters such as student admission applications, daily life, and academic guidance.

ĐIỀU 4 Tiêu chuẩn tham gia khóa học:

1. Thời gian đào tạo của học sinh học dự bị khóa tiếng Trung (dưới đây gọi tắt là học sinh dự bị) khoa chuyên ngành quốc tế có giới hạn là một năm, thời gian này chỉ học khóa học tiếng Trung và không mở lớp hè : 22 giờ mỗi tuần trong thời gian học, cả năm học tổng cộng là 792 giờ. Nếu học sinh dự bị nộp đơn xin nhập học lại khoa chuyên ngành quốc tế, tiêu chuẩn tu nghiệp theo quy định này là cần học lại đủ 792 giờ, số giờ học ở kỳ trước sẽ không được ghi nhận.
2. Các hạng mục như đánh giá, kiểm tra thành tích học tập của học sinh dự bị, học sinh gian lận trong thi cử, nghỉ học, thi bù v.v...đều được xử lý theo quy chế học tập của trường và những trọng điểm xử lý điểm thành tích học kỳ của học sinh.
3. Khóa học tiếng Trung của học sinh dự bị học không được tính vào tín chỉ tốt nghiệp, học sinh dự bị thi đậu bài kiểm tra trình độ nghe và đọc tiếng Trung (TOCFL) (Gồm) trên Tiêu chuẩn cơ bản cấp độ A2 sau đó chuyển vào học chính thức lớp cử nhân, hoàn thành điều kiện tốt nghiệp theo biện pháp tu nghiệp từng khoa của trường.
4. Học sinh dự bị chưa thi đậu bài kiểm tra trình độ nghe và đọc tiếng Trung (TOCFL) (Gồm) trên tiêu chuẩn trình độ B1 nâng cao trước khi chuyển vào học lớp cử nhân chính thức khoa trúng tuyển ban đầu, cần chọn học các khóa học tiếng Trung như “Nghe nói tiếng Trung nâng cao”, “Đọc viết tiếng Trung nâng cao”, “Dạy kèm kiểm tra tiếng Trung nâng cao”, “Tiếng Trung ứng dụng nâng cao” v.v...khi vào học năm nhất của khoa đã chọn, trường có thể dựa vào thành tích TOCFL để làm cơ sở hỗ trợ cấp học bổng và trợ cấp. Năng lực tiếng Trung của học sinh chưa đạt cấp B1 phải liên tục học các khóa học tiếng Trung mà trường mở cho đến khi vượt qua tiêu chuẩn được đưa trước đó mới được tốt nghiệp.
5. Học sinh dự bị sau khi chuyển vào học lớp cử nhân chính thức thì các hạng mục như nghỉ học, thôi học và đánh giá về tư cách học sinh, học tập và hướng dẫn cuộc sống đều xử lý theo quy chế học tập của trường và các quy định pháp luật liên quan.
6. Các công việc như nộp đơn xin nhập học, cuộc sống hàng ngày và hướng dẫn học tập của học sinh khoa chuyên ngành quốc tế sẽ do Khoa chuyên ngành quốc tế và các đơn vị liên quan phụ trách xử lý.

第五條 獎懲及退學相關規範：

- 一、先修生於國際專修部修讀期間准用本校「學生獎懲規定」辦理。

- 二、先修生於修讀一學年之華語課程後，應考取TOCFL之聽力與閱讀測驗A2(含)以上，得接續修讀原錄取之正式學士班一年級課程；未達標準者，採退學處分。
- 三、先修生於國際專修部修讀一年並通過TOCFL之聽力與閱讀測驗A2後，必須轉入原錄取之正式學士班，無法配合者需辦理退學，不得續留國際專修部。
- 四、先修生於國際專修部修讀期間違反本校學生宿舍管理相關規定或違反校規情節嚴重者，依本校學則第四章第四十五條法規辦理，應予退學。
- 五、先修生缺(曠)課時數逾該學期授課總時數二分之一者，應予退學。
- 六、退學者應由國際專修部通報內政部移民署各服務站、外交部領事事務局並副知教育部。

Article 5 Regulations related to rewards, punishments, and withdrawals:

1. Preparatory students are subject to the university's "Regulations on Student Rewards and Punishments" during their study period in the International Foundation Program.
2. After completing one academic year of Mandarin courses, preparatory students must achieve an A2 level or above in the listening and reading sections of the TOCFL to continue studying in the first year of their originally admitted formal bachelor's program. Those who fail to meet the standard will be subject to withdrawal.
3. After completing one year of study in the International Foundation Program and passing the A2 level test in the listening and reading sections of the TOCFL, preparatory students must transfer to their originally admitted formal bachelor's program. Those who fail to comply must withdraw and cannot remain in the International Foundation Program.
4. If preparatory students violate the university's dormitory management regulations or commit serious violations of school rules during their study period in the International Foundation Program, they shall be subject to withdrawal in accordance with Article 48, Chapter 4 of the university's academic regulations.
5. Preparatory students who miss more than half of the total class hours for the semester shall be subject to withdrawal.
6. The International Foundation Program should notify the National Immigration Agency, MOI service stations, Bureau of Consular Affairs, MOFA, and inform the Ministry of Education of withdrawals.

ĐIỀU 5 Tiêu chuẩn thưởng phạt và thôi học liên quan:

1. Học sinh dự bị trong thời gian theo học khoa chuyên ngành quốc tế áp dụng xử lý theo “Quy định thưởng phạt học sinh”.
2. Học sinh dự bị sau khi theo học khóa học tiếng Trung một năm học phải thi đậu bài kiểm tra trình độ nghe và đọc tiếng Trung (TOCFL) (gồm) trên tiêu chuẩn cơ bản cấp độ A2 và tiếp tục theo học khóa học năm nhất của lớp cử nhân chính thức khoa trúng tuyển ban đầu; người chưa đạt tiêu chuẩn sẽ áp dụng hình phạt bị buộc thôi học.
3. Học sinh dự bị sau khi theo học 1 năm khoa chuyên ngành quốc tế và thi đậu bài kiểm

tra trình độ nghe và đọc TOCFL A2 thì nhất thiết chuyển vào học lớp cử nhân chính thức khoa trúng tuyển ban đầu, học sinh không thể phối hợp cần xử lý bị buộc thôi học không được tiếp tục ở lại khoa chuyên ngành quốc tế.

4. Học sinh dự bị trong thời gian theo học khoa chuyên ngành quốc tế mà vi phạm các quy định liên quan đến quản lý ký túc xá của học sinh trường hoặc vi phạm quy định của trường với tình tiết quan trọng thì sẽ xử lý theo quy định Chương 4, Điều 45 trong quy chế của trường là bị buộc thôi học.
5. Học sinh dự bị có tổng số giờ vắng mặt (trôn học) quá 1/2 tổng số giờ giảng dạy trong học kỳ là bị buộc thôi học.
6. Người thôi học sẽ do khoa chuyên ngành quốc tế thông báo đến các trạm dịch vụ của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Nội vụ, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao và Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

第六條 工作許可規範：

- 一、先修生於修業期間得比照一般學位生向勞動部申請工作許可。
- 二、先修生取得工作許可後，應符合勞動部「就業服務法」之規範。

Article 6 Regulations on work permits:

1. Preparatory students may apply for work permits from the Ministry of Labor during their studies, similar to regular degree students.
2. After obtaining a work permit, preparatory students must comply with the regulations of the Ministry of Labor's "Employment Service Act".

ĐIỀU 6 Tiêu chuẩn giấy phép làm việc:

1. Trong thời gian tu nghiệp của học sinh dự bị có thể như học sinh thông thường nộp đơn xin cấp thẻ làm việc với Bộ Lao động.
2. Học sinh dự bị cần đáp ứng tiêu chuẩn của “Luật Dịch vụ Việc làm” của Bộ Lao động sau khi nhận được giấy phép làm việc.

第七條 本規定如有未盡事宜，依本校其他相關法規辦理。

Article 7 Matters not covered in these regulations shall be handled in accordance with other relevant regulations of the university.

ĐIỀU 7 Nếu có vấn đề chưa hoàn thiện trong quy định này sẽ xử lý theo các quy định liên quan khác của trường.

第八條 本規定經國際事務處處務會議及語言中心中心會議通過，陳請校長核定後實施。

Article 8 The regulations are approved by the Office of International Affairs' meeting and the Language Center's meeting and are implemented upon approval by the president.

ĐIỀU 8 Quy định này được thực hiện sau khi được cuộc họp của Phòng quan hệ quốc tế và cuộc họp của trung tâm ngoại ngữ thông qua và phê duyệt của hiệu trưởng.